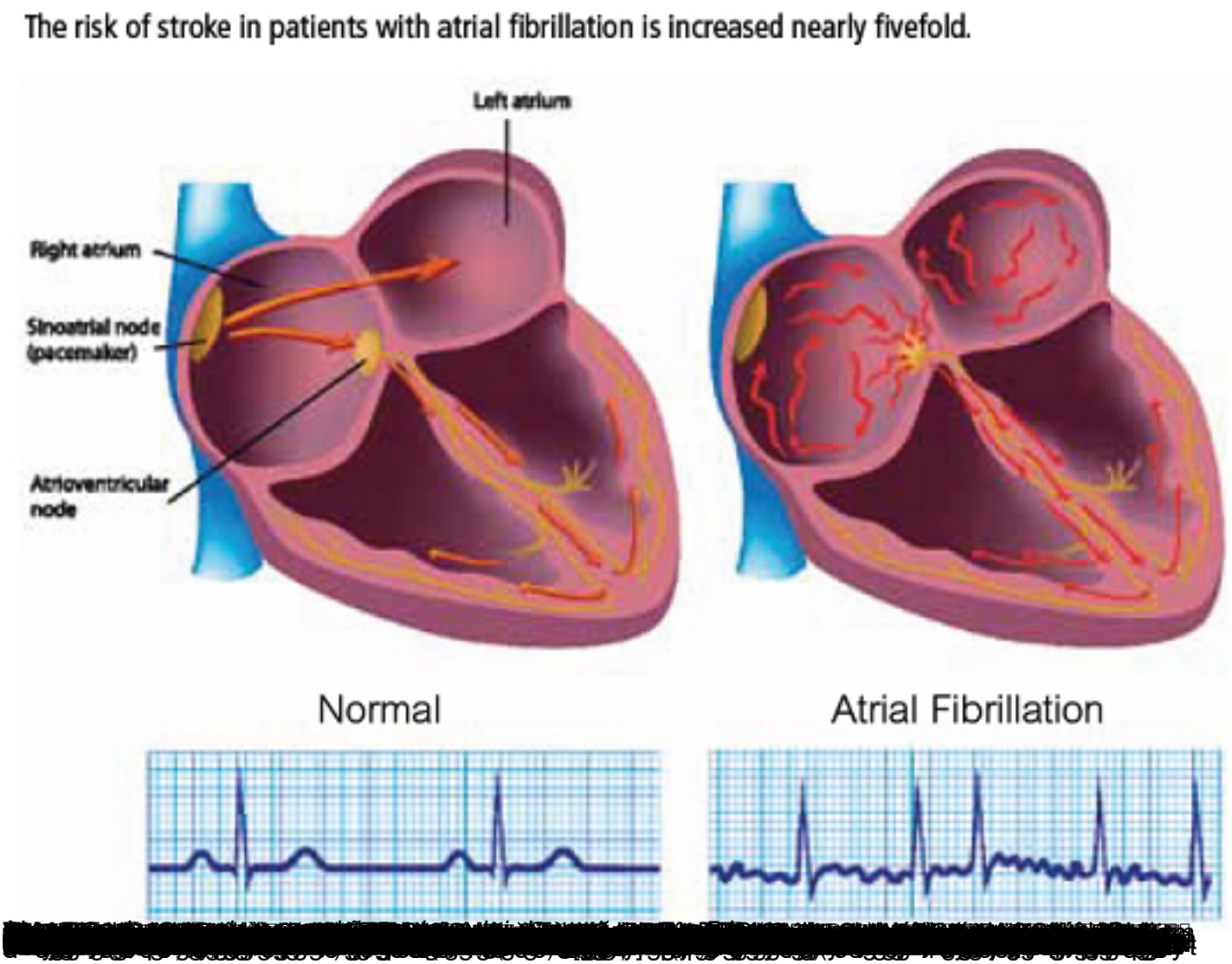
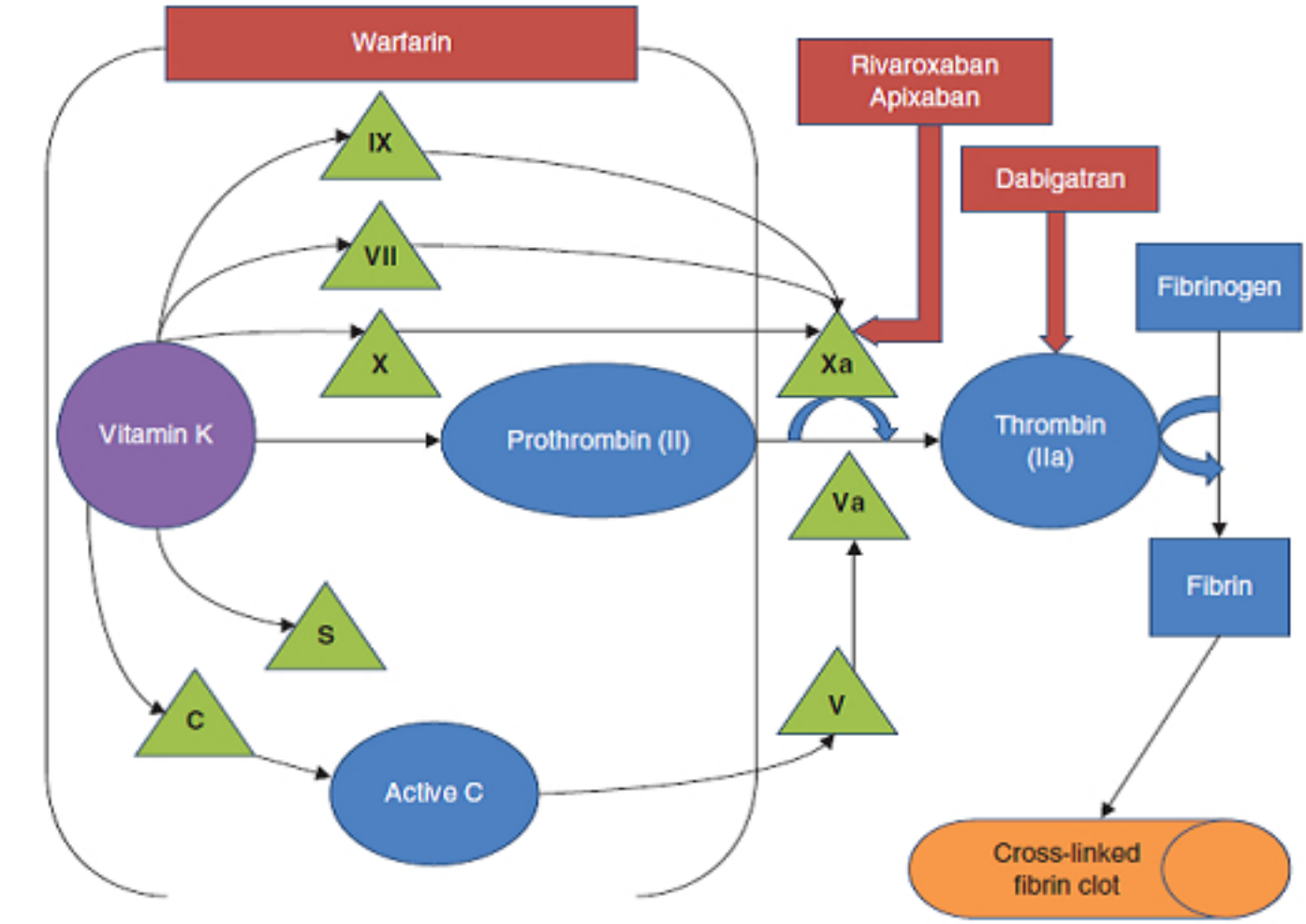
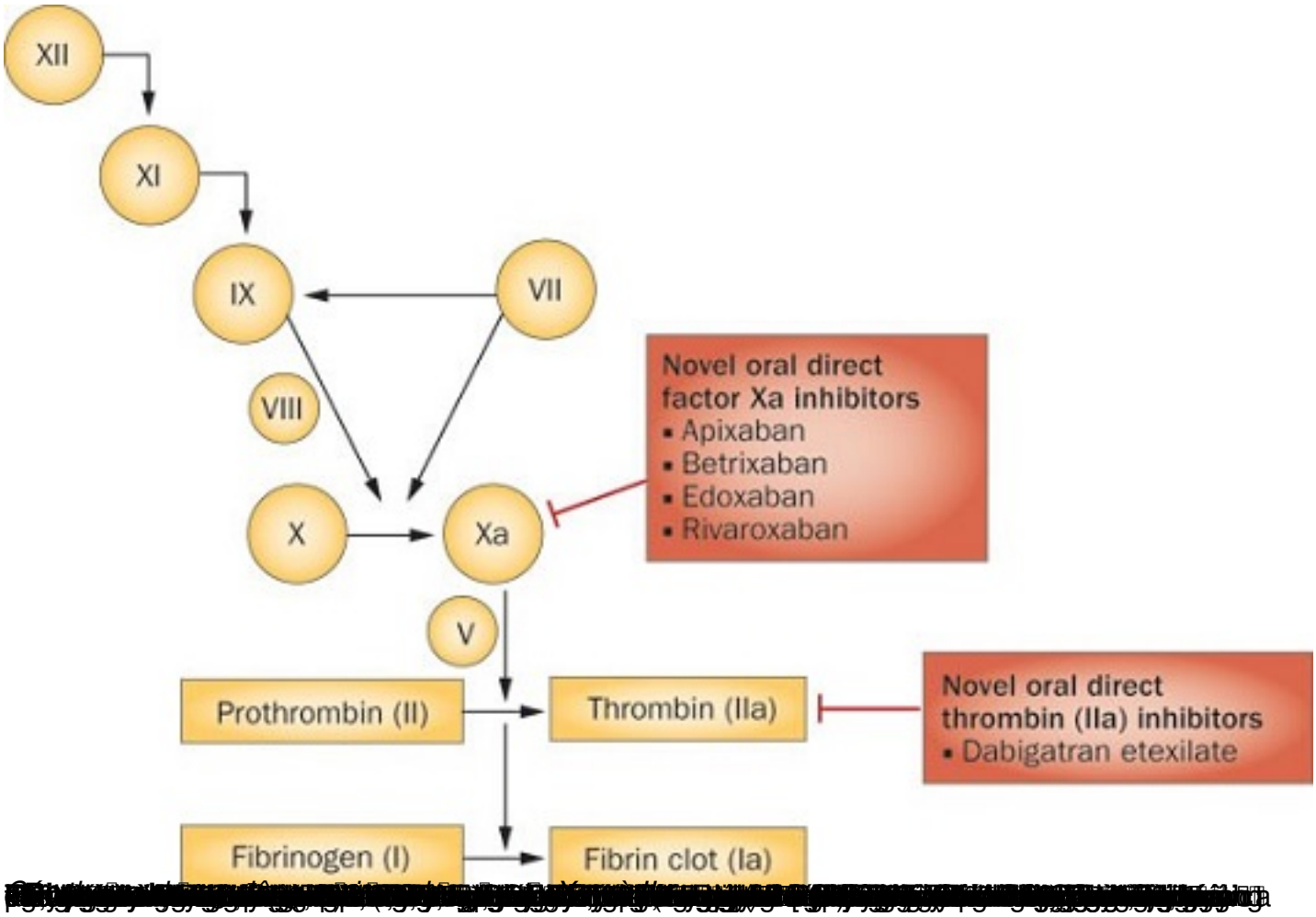
Ths Phan Đ□ng B□o Linh

Rung nhĩ (RN) là lo□n nh□p th□□ng g□p nh□t trong th□c hành lâm sàng. Theo Benard Gersh, nó là m□t trong ba đ□i d□ch c□a nhân lo□i th□ k□ 21: suy tim, rung nhĩ và đái tháo đ□□ng. Rung nhĩ □nh h□□ng đ□n kho□ng 1-2% dân s□ chung. Nguy c□ phát tri□n RN tăng theo tu□i, v□i m□c ph□ bi□n □□c tính 0,1% □ nh□ng ng□□i tr□ d□□i 55 tu□i, tăng lên 9,0% □ nh□ng ng□□i 80 tu□i và già h□n. Nghiên c□u Framingham cho th□y nguy c□ đ□t qu□ do RN không ph□i b□nh van tim h□u th□p cao h□n 2 l□n bình th□□ng.

RN gây □ máu trong tâm nhĩ trái ho□c ti□u nhĩ trái, có nguy c□ phát tri□n huy□t kh□i. Tam ch□ng Virchow t□o l□p huy□t kh□i: □ tr□ máu, r□i lo□n ch□c năng n□i m□c và tình tr□ng tăng đông. V□ c□c huy□t kh□i này có th□ d□n đ□n t□c đ□ng m□ch, gây thi□u máu c□c b□, làm phát sinh c□n thi□u máu c□c b□ thoáng qua (transient ischemic attack - TIA) hay đ□t qu□. RN c□n ho□c dai d□ng có liên quan v□i tăng g□p năm l□n nguy c□ đ□t qu□, và m□t trong năm nguyên nhân đ□t qu□ hàng đ□u là do RN. Ngoài ra, đ□t qu□ liên quan v□i RN thì n□ng h□n và suy ki□t c□ th□ h□n là đ□t qu□ □ b□nh nhân nh□p xoang bình th□□ng.


The risk of stroke in patients with atrial fibrillation is increased nearly fivefold.
Left atrium
Right atrium
Sinoatrial node (pacemaker)
Atrioventricular node
Normal
Atrial Fibrillation


Warfarin
Rivaroxaban
Apixaban
Dabigatran
Fibrinogen
IX
VII
X
Xa
Vitamin K
Prothrombin (II)
Thrombin
(IIa)
Va
Fibrin
S
C
V
Active C
Cross-linked
fibrin clot


XII
XI
IX
VII
VIII
X
Xa
V
Prothrombin (II)
Thrombin (IIa)
Fibrinogen (I)
Fibrin clot (Ia)
Novel oral direct factor Xa inhibitors
• Apixaban
• Betrixaban
• Edoxaban
• Rivaroxaban
Novel oral direct thrombin (IIa) inhibitors
• Dabigatran etexilate

Bảng 1 So sánh đặc điểm bệnh nhân và các biến cố chảy máu

Table I. Comparison of patient characteristics and bleeding events

	Mean $CHADS_2$ score	Mean time-in-therapeutic range for warfarin	Intervention	Major bleeding events	Intracranial hemorrhage
RE-LY[21]	2.1	64%	Dabigatran etexilate 110 mg bid	2.71% (RR 0.80; 95% CI 0.69, 0.93; p = 0.003)	0.23% (RR 0.31; 95% CI 0.20, 0.47; p < 0.001)
			Dabigatran etexilate 150 mg bid	3.11% (RR 0.93; 95% CI 0.81, 1.07; p = 0.31)	0.30% (RR 0.40; 95% CI 0.27, 0.60; p < 0.001)
			Warfarin[a]	3.36%	0.74%
ROCKET AF[20]	3.5	55%	Rivaroxaban 20 mg od[b]	3.6% (HR 1.04; 95% CI 0.90, 1.20; p = 0.58)	0.5% (HR 0.67; 95% CI 0.47, 0.93; p = 0.02)
			Warfarin[a]	3.4%	0.7%
ARISTOTLE[10]	2.1	62%	Apixaban 5 mg bid[c]	2.13% (HR 0.69; 95% CI 0.60, 0.80; p < 0.001)	0.33% (HR 0.42; 95% CI 0.30, 0.58; p < 0.001)
			Warfarin[a]	3.09%	0.8%

a Adjusted to an INR of 2.0–3.0.

b Renal dose adjustment in ROCKET AF: rivaroxaban 15 mg once daily.

c Renal dose adjustment in ARISTOTLE: apixaban 2.5 mg once daily.

bid = twice daily; CI = confidence interval; HR = hazard ratio; INR = International Normalized Ratio; od = once daily; RR = relative risk.